



DOI:10.22144/ctujos.2024.262

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN DU LỊCH NÔNG NGHIỆP Ở HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Trương Trí Thông^{1*} và Nguyễn Trọng Nhân²

¹Khoa Du lịch - Ngoại ngữ, Trường Cao đẳng Kiên Giang

²Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ

*Tác giả liên hệ (Corresponding author): tthongcantho@gmail.com

Thông tin chung (Article Information)

Nhận bài (Received): 10/09/2023

Sửa bài (Revised): 28/09/2023

Duyệt đăng (Accepted): 29/09/2023

Title: Factors affecting the development of agricultural tourism in Phong Dien district, Can Tho city

Author(s): Trương Trí Thông^{1*} and Nguyễn Trọng Nhân²

Affiliation(s): ¹Kien Giang College, ²Can Tho University

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục đích phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch nông nghiệp ở huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Dữ liệu được thu thập từ 157 du khách thông qua phương pháp chọn mẫu thuận tiện và phát triển mầm. Phương pháp đánh giá độ tin cậy thang đo, phân tích nhân tố khám phá và phân tích hồi quy tuyến tính bội được sử dụng để phân tích dữ liệu. Kết quả cho thấy có sáu nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch nông nghiệp tại huyện Phong Điền bao gồm: an toàn và an ninh, giá cả, tài nguyên du lịch nông nghiệp, cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn lao động, và cơ sở hạ tầng. Kết quả nghiên cứu này là cơ sở để các bên liên quan trong phát triển du lịch nông nghiệp ở huyện Phong Điền có thể đưa ra một số định hướng và giải pháp nhằm phát triển du lịch nông nghiệp tại địa bàn huyện trong tương lai.

Từ khóa: Du lịch nông nghiệp, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ

ABSTRACT

This study aims to investigate the factors affecting agricultural tourism development in Phong Dien District, Can Tho City. Data were collected from 157 tourists through convenient sampling and snowball sampling. Scale reliability analysis, exploratory factor analysis, and multiple linear regression analysis were conducted to examine the collected data and identify the key factors influencing agricultural tourism development. The research findings identify six factors that influence the development of agricultural tourism in Phong Dien District: safety and security, prices, agritourism resources, technical facilities, labor resources, and infrastructure. The results of this study provide stakeholders with fundamental issues about the development of agricultural tourism in Phong Dien District to devise directions and solutions for future development.

Keywords: Agricultural tourism, Can Tho City, Phong Dien district

1. GIỚI THIỆU

Khai thác tiềm năng to lớn của du lịch đã trở thành trọng tâm của kế hoạch phát triển kinh tế ở cả các nước phát triển và đang phát triển, nơi ngày càng có nhiều sự công nhận về tiềm năng giữa du lịch và nông nghiệp (Torres & Momsen, 2011). Du lịch mang lại tiềm năng thúc đẩy phát triển nông nghiệp địa phương thông qua các mối liên kết cho phép nông dân địa phương cung cấp nhu cầu thực phẩm cho các cơ sở du lịch (Torres & Momsen, 2004). Hội đồng Liên Minh Châu Âu đã xác định du lịch là một yếu tố cơ bản trong việc bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên của các vùng nông thôn cũng như thúc đẩy việc làm và tăng trưởng kinh tế, đồng thời Hội đồng này cũng khuyến khích phát triển du lịch nông nghiệp (DLNN) như một chiến lược để tăng cường du lịch bền vững (Council of the European Union, 2006). DLNN không những giúp nâng cao giá trị sản phẩm của nông dân (Nilsson, 2002), mà còn tạo cơ hội cho du khách trải nghiệm, tiếp xúc trực tiếp với khu vực nông thôn, cảnh quan thiên nhiên thôn quê, truyền thống và phong tục nông nghiệp (Contini et al., 2009).

Việt Nam là một quốc gia có nền văn hoá nông nghiệp lâu đời, tuy nhiên mỗi vùng, miền, địa phương đều có những đặc trưng văn hoá nông nghiệp khác nhau, tạo nên sự khác biệt và độc đáo, có thể khai thác tạo nên các sản phẩm DLNN thu hút khách du lịch, đặc biệt là du khách quốc tế. Chính vì vậy, trong chiến lược phát triển du lịch Việt Nam, định hướng du lịch sinh thái gắn với nông nghiệp, nông thôn là một trong 5 dòng sản phẩm chủ đạo (Cương, 2020). Vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là vùng nông nghiệp lớn nhất nước, nơi đây có đồng lúa mênh mông, cây ăn trái bốn mùa trĩu quả, nhiều loài thủy sản,... khó nơi nào sánh được, đó là nguồn tài nguyên quý giá để vùng ĐBSCL phát triển DLNN (Biển, 2019). Với đặc thù đô thị sinh thái, sông nước, thành phố Cần Thơ (TPCT) có nhiều tiềm năng phát triển DLNN, trong đó huyện Phong Điền có nhiều vườn cây ăn trái và sản vật để tạo nên sản phẩm DLNN (Biển, 2019), điều này phù hợp với chủ trương xác định Phong Điền là một trong những địa phương chủ lực để hoạch định và xây dựng nhiều mô hình, sản phẩm DLNN (Lam, 2023) theo Đề án “Phát triển DLNN trên địa bàn TPCT giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030”. DLNN ở Phong Điền đã có từ rất sớm và tạo được dấu ấn trong lòng du khách; tuy nhiên, các điểm DLNN ở huyện vẫn còn tự phát, nhỏ lẻ, và chưa thực sự được đầu tư bài bản, chín chu, cũng như địa phương vẫn gặp không ít khó khăn trong khai thác và phát triển.

Trước thực tế đó, nhằm giúp huyện Phong Điền có cơ sở tập trung đúng trọng tâm để phát triển DLNN trên địa bàn đạt hiệu quả, nghiên cứu này được thực hiện với mục đích xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển DLNN ở huyện Phong Điền, TPCT thông qua ý kiến của du khách. Kết quả nghiên cứu là nguồn thông tin quan trọng và đáng tin cậy để cơ quan quản lý nhà nước về du lịch và chính quyền địa phương làm cơ sở để xây dựng, thực thi các giải pháp giúp tháo gỡ những điểm nghẽn góp phần phát triển DLNN ở Phong Điền, TPCT cũng như thu hút du khách đối với loại hình DLNN ở địa bàn nghiên cứu trong thời gian tới.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận và mô hình nghiên cứu

2.1.1. Cơ sở lý luận về du lịch nông nghiệp

DLNN ra đời vào khoảng đầu của thế kỷ XX ở Châu Mỹ và Châu Âu (Arroyo, 2012). Tiến trình đầu tiên trong sự ra đời của DLNN là vào những năm 20 của thế kỷ trước, việc tham quan các trang trại trở nên phổ biến và dễ tiếp cận hơn do việc sử dụng ô tô ngày càng nhiều và do chi phí du lịch tại vùng nông thôn tương đối thấp (Boys et al., 2017). Kể đến trong giai đoạn những năm 60 và 70 của thế kỷ XX, các hoạt động giải trí ngoài trời tại trang trại và vùng nông thôn dần trở nên phổ biến với du khách như các hoạt động cưỡi ngựa và xem các loài thú ở nông thôn. Đến những năm 80, 90 của thế kỷ XX, sự quan tâm đến dịch vụ nhà nghỉ chỉ phục vụ bữa sáng và các chuyến tham quan trang trại ở vùng nông thôn đã tăng lên rất nhiều. Vì vậy, từ năm 1980 trở đi DLNN đã dần trở nên phổ biến và lan rộng ra nhiều châu lục khác nhau (Lan và ctv., 2021).

Có rất nhiều định nghĩa về DLNN và nhiều loại hình, thuật ngữ về du lịch liên quan đến nông nghiệp được xem tương tự như DLNN (McGehee & Kim, 2004). Mặc dù vậy, DLNN được các nhà nghiên cứu mô tả là sự hợp nhất giữa ngành du lịch và nông nghiệp (Weaver, 2004; Moraru et al., 2016). Ban đầu DLNN ở Ý được gọi là “agriturismo”, ở Thụy Sĩ được gọi là “ngủ trong rơm”, còn ở New Zealand là “ở lại trang trại” và ở Anh thì là “kỳ nghỉ ở nông trại” (Rilla, 1999). Trong Tiếng Anh có nhiều thuật ngữ tương đương với nội hàm DLNN (Agritourism) như “agicultural tourism”, “agritainment”, “farm recreation”, “entertainment agriculture”,... (Schilling et al., 2014). Còn ở Việt Nam, có nhiều tên gọi khác nhau dành cho DLNN như “du lịch canh nông”, “du lịch trang trại”, “du lịch miệt vườn”, “DLNN sinh thái”, “du lịch đồng quê” (Dung, 2023). Tóm lại, DLNN được hiểu là hoạt động du lịch được diễn ra ở vùng nông thôn

hoặc vùng sản xuất nông nghiệp, tại đây du khách sẽ tham gia vào các hoạt động trải nghiệm liên quan đến sản xuất các sản phẩm nông nghiệp nhằm mục đích giải trí, tìm hiểu, thư giãn,... qua đó góp phần nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp và cải thiện thu nhập của người nông dân.

2.1.2. Mô hình nghiên cứu

Tài nguyên DLNN

Tài nguyên du lịch là cơ sở quan trọng, quyết định cho việc hình thành và phát triển DLNN, nông thôn (Cương, 2023). Đối với DLNN, tài nguyên của loại hình du lịch này là tất cả những gì phục vụ cho sản xuất nông nghiệp từ tư liệu sản xuất, đất đai, sông ngòi, ao hồ, con người, quy trình sản xuất, sản phẩm sản xuất,... cho đến những yếu tố tự nhiên liên quan đến hoạt động sản xuất nông nghiệp như môi trường, khí hậu, thời tiết,...; đồng thời, phần lớn DLNN hướng đến trải nghiệm một nền văn hoá mới, đó là thường ngoạn khung cảnh thiên nhiên với những trang trại, cánh đồng, sông nước hữu tình, được trực tiếp tham gia vào nhiều hoạt động dân dã của người nông dân (Cương, 2023). Ngoài ra, sự đặc sắc về văn hoá và ẩm thực là những yếu tố thu hút du khách trải nghiệm DLNN (Seong-Woo & Sou-Yeon, 2005). Một số kết quả nghiên cứu cho thấy tài nguyên du lịch có ảnh hưởng đến sự phát triển điểm đến du lịch (Hậu & Anh, 2021; Hoàng, 2022). Tài nguyên du lịch nông thôn là nhân tố có ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách tại Bạc Liêu (Đua và ctv., 2022). Bên cạnh đó, trong nghiên cứu của Nghi (2019), cảnh quan thiên nhiên và văn hoá bản địa (hai yếu tố cấu thành nên tài nguyên du lịch) có ảnh hưởng tích cực đến mức độ hấp dẫn của loại hình du lịch nông thôn ở huyện Phong Điền. Đối với kết quả nghiên cứu thực nghiệm về DLNN ở Cần Thơ, Nhân (2023) đã cho thấy sức hấp dẫn (tài nguyên du lịch) là nhân tố có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển DLNN nơi đây. Từ các kết quả nghiên cứu trên, giả thuyết H1 được đề xuất như sau: *H1: Tài nguyên DLNN có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển DLNN huyện Phong Điền.*

Cơ sở hạ tầng

Cơ sở hạ tầng là phương tiện vật chất không phải do các tổ chức du lịch xây dựng mà do toàn xã hội xây dựng, chúng bao gồm hệ thống đường sá, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cung cấp điện và nước (Nguyen et al., 2022). Tổ chức Du lịch Thế giới đã chỉ ra rằng, nếu không có cơ sở hạ tầng để hỗ trợ du khách trong chuyên tham quan thì việc phát triển sản phẩm du lịch sẽ không thể nào thành công (UNWTO, 2011). Đối với DLNN, cơ sở hạ

tầng có tầm quan trọng trong việc giúp phát triển hoặc cản trở sự kết nối giữa du lịch và nông nghiệp (Lago, 2017), một cơ sở hạ tầng cũng như điều kiện phụ trợ tốt sẽ dễ dàng thu hút được khách du lịch tham quan, mua sắm (Anh và ctv., 2023). Lago (2017) đã cho thấy cơ sở hạ tầng được du khách đánh giá mức ưu tiên cao nhất trong quá trình lựa chọn DLNN ở Quezon. Bên cạnh đó, Embacher (1994) đã cho rằng, DLNN ở Canada, Áo và Ý phát triển thành công là do có cơ sở hạ tầng tốt và đồng bộ. Cơ sở hạ tầng luôn là nhân tố được các nhà nghiên cứu sử dụng trong đánh giá sự hài lòng của du khách (Nhân, 2013; Hà & Hằng, 2020; Nhân & Trinh, 2022), đo lường sự kỳ vọng, sự cảm nhận (Hà & Hằng, 2020) về các loại hình DLNN, du lịch miệt vườn. Không những vậy, kết quả nghiên cứu thực nghiệm cho thấy cơ sở hạ tầng có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển các loại hình du lịch liên quan đến DLNN như du lịch sinh thái miệt vườn (Nhân và ctv., 2015), du lịch chợ nổi (Nhân, 2015), và du lịch làng nghề (Thông, 2021). Nghiên cứu của Malkanthi et al. (2015) đã chỉ ra rằng, cơ sở hạ tầng giao thông trong nhân tố cơ sở hạ tầng có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển DLNN. Từ đó, giả thuyết H2 được đề xuất: *H2: Cơ sở hạ tầng có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển DLNN huyện Phong Điền.*

Cơ sở vật chất kỹ thuật

Cơ sở vật chất du lịch là toàn bộ những phương tiện vật chất kỹ thuật do tổ chức du lịch tạo ra nhằm khai thác tiềm năng du lịch, cung ứng dịch vụ, hàng hoá, thoả mãn nhu cầu của khách du lịch; chúng bao gồm cơ sở lưu trú, ăn uống, vận chuyển, vui chơi giải trí,... các cơ sở vật chất du lịch này đóng một vai trò quan trọng trong việc thu hút và giữ chân du khách cũng như nâng cao trải nghiệm của họ tại một điểm đến du lịch (Nguyen et al., 2022). Nghiên cứu của Đua và ctv. (2022) đã sử dụng tiêu chí cơ sở vật chất kỹ thuật để đánh giá mức độ hài lòng của du khách đối với du lịch nông thôn tỉnh Bạc Liêu, một loại hình lớn của DLNN. Đồng thời, một số yếu tố cấu thành nên cơ sở vật chất kỹ thuật cũng được dùng để làm tiêu chí đánh giá sự hài lòng (Nhân, 2013), sự phát triển du lịch miệt vườn ĐBSCL (Nhân và ctv., 2015), cảm nhận của du khách về du lịch sinh thái miệt vườn huyện Phong Điền (Nhân & Trinh, 2022), đánh giá sự hài lòng của du khách đối với DLNN ở ĐBSCL (Lan và ctv., 2022),... Bên cạnh đó, cơ sở vật chất và tiện nghi là một trong những yếu tố ưu tiên trong việc lựa chọn DLNN ở Quezon của du khách (Lago, 2017). Thông (2021) đã nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển làng nghề phục vụ du lịch tại Phú Quốc và cho thấy cơ sở vật chất kỹ thuật là nhân tố có ảnh hưởng

tích cực đến sự phát triển của loại hình du lịch này. Từ những phân tích và luận cứ trên, giả thuyết H3 được đề xuất: *H3: Cơ sở vật chất kỹ thuật có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển DLNN ở huyện Phong Điền.*

Nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực là yếu tố rất quan trọng cho phát triển DLNN (Anh và ctv., 2023). Nguồn nhân lực DLNN là những người đang làm việc hoặc tìm kiếm việc làm trong lĩnh vực/khu vực nông nghiệp, bao gồm lao động trực tiếp và gián tiếp (Cương, 2023). Đối tượng tham gia tổ chức DLNN có thể là chủ hộ, nhà vườn, chủ rừng, chủ trang trại, chủ cơ sở, hợp tác xã nông nghiệp, chủ doanh nghiệp nông nghiệp,... (Nguyen et al., 2020; Cảnh, 2020). Để có điểm đến DLNN phát triển tốt, đòi hỏi nguồn nhân lực và lao động đảm bảo về số lượng, cơ cấu và chất lượng, có kiến thức, năng lực và thái độ tốt đáp ứng tiêu chuẩn kỹ năng nghề khu vực và thế giới, cũng như đáp ứng yêu cầu về sức khỏe, kiến thức, kỹ năng quản lý, kỹ năng nghề nghiệp; trình độ ngoại ngữ; phong cách, đạo đức trong phục vụ và giao tiếp (Cương, 2023). Một số nghiên cứu thực nghiệm cho thấy nguồn nhân lực có ảnh hưởng tích cực tới sự phát triển của điểm du lịch ở vùng nông thôn liên quan đến DLNN (Nhân, 2015; Thông, 2021). Bên cạnh đó, chất lượng lao động là nhân tố có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển DLNN ở TPCT (Nhân, 2023). Từ những quan điểm và nghiên cứu thực nghiệm trên, giả thuyết H4 được đề xuất như sau: *H4: Nguồn nhân lực có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển DLNN ở huyện Phong Điền.*

An toàn và an ninh

An toàn và an ninh là sự đảm bảo các vấn đề an ninh trật tự (trộm cướp, chèo kéo, thách giá, ăn xin, khủng bố,...) và đảm bảo sự an toàn về sức khỏe, tính mạng của du khách (an toàn vệ sinh thực phẩm, trang thiết bị bảo hộ, rào chắn nơi nguy hiểm,...) tại điểm đến du lịch, nhằm tạo cảm giác an tâm cho du khách. Hoạt động du lịch rất nhạy cảm với yếu tố an ninh, an toàn, vì đây là yếu tố chi phối tổng thể và toàn diện đến phát triển hoạt động kinh doanh du lịch nói chung cũng như đến phát triển sản phẩm du lịch (Cương, 2023). Tổ chức Du lịch Thế giới đã chỉ ra rằng, du lịch sẽ không thể phát triển ở những điểm đến đang trải qua sự bất ổn về tình hình chính trị, chiến tranh hoặc nơi đe dọa trực tiếp đến sức khỏe và an ninh của du khách; đồng thời, du khách sẽ không đến những nơi mà họ lo sợ cho sự an toàn cá nhân (UNWTO, 2011). Đối với sự phát triển điểm đến du lịch, nhân tố này có thể được đánh giá qua các yếu tố về tình trạng trộm cướp, chèo kéo, thách

giá, ăn xin (Nhân, 2013; Nhân và ctv., 2015; Đua và ctv., 2022). Bên cạnh đó, một điểm đến an toàn cũng cần phải chú ý đến an toàn vệ sinh thực phẩm để đảm bảo sức khỏe, an toàn cho người tiêu dùng (Thảo và ctv., 2019). Theo Gopal et al. (2008), các khía cạnh an toàn và an ninh là một trong những yếu tố đóng vai trò tạo nên sự thành công của việc kinh doanh DLNN, bởi vì một trong những yếu tố ưu tiên trong việc lựa chọn DLNN của du khách (Lago, 2017). Ngoài ra, an toàn và an ninh còn là nhân tố ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của các điểm đến và loại hình du lịch thuộc về DLNN: sinh thái miệt vườn (Nhân và ctv., 2015), du lịch chợ nổi (Nhân, 2015) và du lịch làng nghề (Thông, 2021). Từ những quan điểm và kết quả nghiên cứu trên, giả thuyết H5 được đề xuất như sau: *H5: An toàn và an ninh có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển DLNN ở huyện Phong Điền.*

Giá cả

Giá cả là một nhân tố ảnh hưởng rất lớn đến chuyến đi của du khách, nhất là lòng trung thành của họ; du khách có xu hướng bị thu hút bởi nơi có giá cả dịch vụ phù hợp và giá cả tương xứng với chất lượng dịch vụ của chuyến đi mà họ bỏ ra (Thông, 2019). Giá cả của một điểm đến du lịch nói chung và DLNN nói riêng bao gồm chi phí các dịch vụ và sản phẩm tại điểm đến (vé vào cổng tham quan, sản phẩm lưu niệm, ăn uống, lưu trú, vui chơi,...) mà du khách chi trả trong suốt quá trình du lịch. Nghiên cứu về du lịch nông thôn ở Malaysia của Lo et al. (2011) cho thấy giá cả hàng hóa và dịch vụ ở điểm đến du lịch tác động đến sự hài lòng du khách. Một số nghiên cứu khác cũng dùng tiêu chí giá cả để đánh giá quyết định chọn điểm đến du lịch vùng nông thôn của du khách (Trí & Thu, 2021), đo lường mức cảm nhận, kỳ vọng (Hà & Hằng, 2020), mức độ hài lòng của du khách (Nhân, 2013; Hà & Hằng, 2020; Lan và ctv., 2022; Nhân & Trinh, 2022) về du lịch sinh thái, miệt vườn và DLNN. Bên cạnh đó, giá cả là nhân tố có ảnh hưởng tích cực sự phát triển của các loại hình DLNN (Nhân và ctv., 2015; Nhân, 2015). Đồng thời, nhân tố giá cả đã được Nhân (2023) khẳng định là có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của DLNN ở TPCT. Từ đó, giả thuyết H6 được đề xuất như sau: *H6: Giá cả có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển DLNN ở huyện Phong Điền.*

Vệ sinh môi trường

Vệ sinh môi trường ở điểm đến DLNN là khả năng đảm bảo sự sạch sẽ và vệ sinh, ở điểm đến bao gồm không có tình trạng rác thải bừa bãi, không có mùi hôi thối gây khó chịu cho du khách và nhà vệ sinh tại điểm du lịch phải sạch sẽ. Vệ sinh môi

trường cũng tác động trực tiếp đến khả năng thu hút và sự tồn tại cũng như phát triển của hoạt động du lịch, môi trường sạch đẹp sẽ tạo một cái nhìn đẹp trong mắt du khách. Khách du lịch sẽ có những kỳ vọng cơ bản về vệ sinh và sự sạch sẽ bao gồm vệ sinh homestay, sự sạch sẽ của ngôi nhà và vườn của gia đình gia chủ hoặc nhân viên dịch vụ (Tổng cục Du lịch, 2013). Đặc biệt, trong thời gian qua do ảnh hưởng của COVID-19, hành vi và xu hướng của du khách cũng đã bắt đầu thay đổi, trong đó chú trọng đến vệ sinh của nơi đến, sức khỏe của bản thân nhiều hơn (Chebli & Said, 2020; Higgins-Desbiolles, 2020; Wachyuni & Kusumaningrum, 2020). Một số nghiên cứu thực nghiệm cho thấy vệ sinh môi trường có ảnh hưởng đến sự phát triển của điểm đến du lịch như nghiên cứu của Thông (2021) về du lịch làng nghề tại Phú Quốc; nghiên cứu của Nhân (2023) về DLNN ở TPCT. Qua những lập luận và bằng chứng trên, giả thuyết H7 được đề xuất: *H7: Vệ sinh môi trường có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển DLNN ở huyện Phong Điền.*

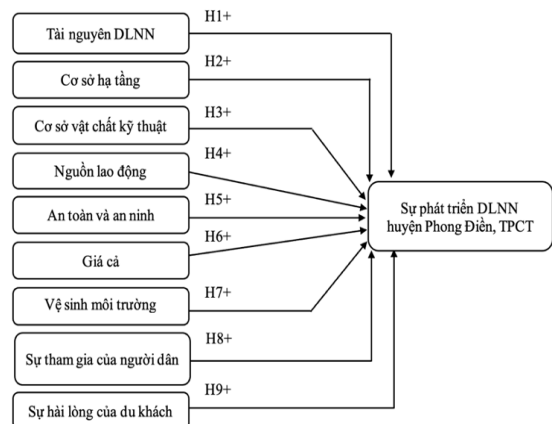
Sự tham gia của người dân

Sự tham gia của hộ gia đình vào hoạt động du lịch rất quan trọng, là điều kiện giúp cho du lịch của địa phương hoạt động và phát triển tốt (Toàn và ctv., 2016). Sự tham gia của cộng đồng trong du lịch là rất cần thiết bởi những nhu cầu của du khách có thể được đáp ứng nhờ vào cộng đồng, gặp gỡ và được phục vụ bởi cộng đồng là động cơ du lịch của nhiều du khách (Nhân & Thông, 2021). Trong nghiên cứu này, sự tham gia của người dân đối với hoạt động DLNN là sự tham gia của họ vào việc tạo ra các yếu tố hấp dẫn, cung ứng dịch vụ, hàng hoá, lao động và quản lý. Sự tham gia nhiệt tình, thân thiện, cởi mở của người dân/nông dân địa phương làm ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách đối với chuyến đi của họ tại điểm đến DLNN; đồng thời, người nông dân cần chủ động phối hợp, hỗ trợ và tham gia cung cấp dịch vụ cho du khách; hầu hết du khách cảm thấy yên tâm, thoải mái khi nhận được sự sẵn sàng trợ giúp của cộng đồng địa phương trong hoạt động tại điểm đến (Cương, 2023). Sự tham gia của người dân địa phương là nhân tố có sức ảnh hưởng mạnh và tích cực đối với sự phát triển DLNN TPCT (Nhân, 2023). Từ đó, giả thuyết H8 được đề xuất: *H8: Sự tham gia của người dân có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển DLNN huyện Phong Điền.*

Sự hài lòng của du khách

Sự hài lòng của khách du lịch đóng vai trò quan trọng trong sự thành công của các chiến lược phát triển du lịch bởi vì nó ảnh hưởng đến sự lựa chọn điểm đến và quyết định quay lại của du khách (Kozak & Rimmington, 2000). Tribe and Snaith (1998) cho rằng sự hài lòng là mức độ đánh giá của du khách về các thuộc tính của điểm đến vượt quá sự mong đợi của họ đối với các thuộc tính đó. Trong nghiên cứu này, sự hài lòng của du khách về DLNN được xem là sự đánh giá của du khách bởi thái độ và cảm xúc sau khi trải nghiệm tại một điểm đến DLNN so với mong đợi ban đầu của họ. Nhiều nghiên cứu đã xác định khi khách du lịch hài lòng với điểm đến, họ sẽ đề xuất cho bạn bè, người thân hay những du khách tiềm năng về điểm đến đó (Lee et al., 2014; Prayag et al. 2017). Đồng thời, nghiên cứu của Hồ (2022) chỉ ra rằng, sự hài lòng của du khách có ảnh hưởng tích cực đến khả năng truyền miệng và ý định thăm lại điểm đến DLNN vùng ĐBSCL. Qua đó, cũng có thể thấy sự hài lòng của du khách có ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của điểm đến thông qua sự truyền miệng và ý định quay lại điểm đến. Từ đó, giả thuyết H9 được đề xuất: *H9: Sự hài lòng của du khách có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển DLNN ở huyện Phong Điền, TPCT.*

Từ các lập luận, nghiên cứu thực nghiệm và giả thuyết trên, mô hình nghiên cứu được đề xuất bao gồm 9 nhân tố: tài nguyên DLNN, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn lao động, an toàn và an ninh, giá cả, vệ sinh môi trường, sự tham gia của người dân, và sự hài lòng của du khách (Hình 1).



Hình 1. Mô hình và giả thuyết nghiên cứu

Bảng 1. Tổng hợp thang đo và biến quan sát

Diễn giải biến	Ký hiệu Nguồn
1. Tài nguyên DLNN (TNDL)	
Điểm du lịch có những loại cây trồng, vật nuôi độc đáo, hấp dẫn	TNDL1
Điểm du lịch có phong cảnh đẹp và thanh bình	TNDL2
Điểm du lịch có nhiều hoạt động giải trí, trải nghiệm thú vị	TNDL3
Nghề truyền thống ở điểm du lịch hấp dẫn	TNDL4
Món ăn địa phương độc đáo, hấp dẫn	TNDL5
Đặc sản địa phương đa dạng và hấp dẫn	TNDL6
2. Cơ sở hạ tầng (CSHT)	
Khả năng tiếp cận điểm DLNN dễ dàng	CSHT1
Đường sá đến các điểm DLNN tốt	CSHT2
Bảng chỉ dẫn đến các điểm DLNN đầy đủ	CSHT3
Hệ thống nước sinh hoạt tại điểm DLNN sạch sẽ	CSHT4
Hệ thống điện tại điểm DLNN đầy đủ, đảm bảo phục vụ du lịch	CSHT5
3. Cơ sở vật chất kỹ thuật (VCKT)	
Có nhiều cửa hàng sản phẩm lưu niệm nông nghiệp	VCKT1
Có nhiều cơ sở ăn uống đặc sản ở điểm DLNN	VCKT2
Cơ sở lưu trú gắn với phong cách vùng nông thôn, nông nghiệp	VCKT3
Cơ sở lưu trú có cảnh quan đẹp	VCKT4
4. Nguồn lao động (NLĐ)	
Người lao động ở điểm du lịch thân thiện, lịch sự, cởi mở	NLĐ1
Người lao động ở điểm du lịch thành thạo công việc	NLĐ2
Người lao động ở điểm du lịch hướng dẫn, giải đáp tận tình	NLĐ3
5. An toàn và an ninh (ATAN)	
Không có tình trạng thả rong vật nuôi	ATAN1
Không có tình trạng thach giá	ATAN2
Không có tình trạng mất vệ sinh an toàn thực phẩm	ATAN3
Có các biển, bảng cảnh báo tại các khu vực nguy hiểm	ATAN4
Có trang bị bảo hộ khi tham gia các hoạt động sông nước	ATAN5
6. Giá cả (GC)	
Không bán vé hoặc giá vé vào cổng các điểm DLNN hợp lý	GC1
Giá cả các sản phẩm lưu niệm, sản vật địa phương hợp lý	GC2
Giá cả sản phẩm, dịch vụ ở điểm du lịch được niêm yết rõ ràng	GC3
Chất lượng dịch vụ tương xứng với chi phí chi trả	GC4
7. Vệ sinh môi trường (VS)	
Không có rác thải bừa bãi ở điểm du lịch	VS1
Ở điểm du lịch không có mùi hôi thối gây khó chịu	VS2
Nhà vệ sinh công cộng ở điểm du lịch sạch sẽ	VS3
8. Sự tham gia của người dân (STG)	
Nhiều người dân tham gia tạo ra các yếu tố hấp dẫn	STG1
Nhiều người dân tham gia cung ứng dịch vụ, hàng hóa, lao động	STG2
Nhiều người dân tham gia trong hoạt động quản lý	STG3

Diễn giải biến	Ký hiệu Nguồn
9. Sự hài lòng của du khách (SHL)	
Chuyến thăm tại điểm DLNN ở Phong Điền đã vượt quá mong đợi của tôi	SHL1
Quyết định của tôi viếng thăm điểm đến du lịch này là sáng suốt	SHL2
Tôi có trải nghiệm DLNN tuyệt vời ở Phong Điền	SHL3
10. Nhân tố phụ thuộc (PT)	
Phong Điền có nhiều tiềm năng phát triển DLNN	PT1
Các hoạt động DLNN được khai thác tốt	PT2
DLNN ở Phong Điền sẽ phát triển mạnh trong tương lai	PT3

Nguồn: Tổng hợp từ các nghiên cứu liên quan, ý kiến chuyên gia và hiệu chỉnh phù hợp với trường hợp nghiên cứu

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp thu thập số liệu

Nghiên cứu sử dụng bảng câu hỏi để thu thập dữ liệu định lượng. Bảng hỏi được xây dựng dựa trên mô hình nghiên cứu với thang đo Likert 5 mức độ (từ 1-Hoàn toàn không đồng ý đến 5-Hoàn toàn đồng ý) để đánh giá các biến quan sát trong từng tiêu chí. Sau khi bảng câu hỏi được hoàn thành, nghiên cứu tiến hành khảo sát chính thức. Trước khi khảo sát, nghiên cứu thực hiện xác định cỡ mẫu. Mục đích xác định cỡ mẫu là để đảm bảo tính suy rộng từ thông tin mẫu cho tổng thể mà không cần điều tra toàn bộ quan sát tổng thể nhằm giảm chi phí nghiên cứu và cũng không làm mất đi các đặc tính của mẫu cũng như độ tin cậy của dữ liệu đại diện cho tổng thể (Lộc & Thọ, 2015). Có nhiều phương pháp khác nhau để xác định cỡ mẫu. Williams et al. (2010) cho rằng, khi phân tích nhân tố khám phá và hồi quy tuyến tính thì cỡ mẫu nên chọn từ 100 quan sát trở lên. Việc khảo sát được tiến hành trong thời gian từ ngày 19/8/2023 - 04/09/2023 với phương pháp chọn mẫu phi xác suất, cụ thể là phương pháp chọn mẫu thuận tiện kết hợp với phát triển mầm. Nghiên cứu sử dụng bản câu hỏi khảo sát Google biểu mẫu (Google Forms) làm công cụ thu thập dữ liệu nghiên cứu. Bên cạnh đó, tác giả cũng kết hợp phỏng vấn trực tiếp những du khách đã tham quan, trải nghiệm DLNN tại huyện Phong Điền. Kết quả thu được 163 bản trả lời, qua quá trình sàng lọc loại bỏ 06 bản hỏi do không đạt yêu cầu để đảm bảo độ tin cậy của kết quả nghiên cứu, như vậy còn lại 157 quan sát (phù hợp với đề xuất của Williams et al., 2010) được đưa vào phân tích dữ liệu.

Trong 157 quan sát được thu thập, 56,7% du khách có giới tính nữ, du khách có giới tính nam chiếm 43,3%. Đa số du khách có độ tuổi từ 18 đến 29 tuổi (45,2%), 29,9% du khách từ 30 đến 41 tuổi, 16,6% du khách từ 42 đến 53 tuổi, du khách trên 53 tuổi chiếm 8,3%. Trình độ học vấn đại học chiếm 38,2%, trình độ cao đẳng chiếm 29,9%, trình độ

trung cấp chiếm 14,6%, trên đại học chiếm 12,1%, trung học phổ thông trở xuống chiếm 5,1%. Du khách có tình trạng đã kết hôn chiếm 54,8%, còn lại 45,2% là độc thân. Đa số du khách có nghề nghiệp là kinh doanh, buôn bán (30,6%), công nhân, nhân viên là 20,4%, học sinh, sinh viên 21,7%, du khách là cán bộ, công chức, viên chức chiếm 14,0% và 13,4% là nghề nghiệp khác (nội trợ, nhân viên khách sạn, về hưu,...).

2.2.2. Phương pháp phân tích

Nghiên cứu sử dụng phần mềm SPSS 25.0 để phân tích dữ liệu với các phương pháp định lượng gồm:

Phương pháp đánh giá độ tin cậy của thang đo: Nhiều nghiên cứu đồng ý rằng khi Cronbach's Alpha từ 0,8 đến 1,0 thì thang đo lường là tốt, từ 0,7 đến gần 0,8 là sử dụng được (Trọng & Ngọc, 2008b). Ngoài ra, đối với biến đo lường đảm bảo độ tin cậy khi có hệ số tương quan biến - tổng $\geq 0,3$ (Nunnally & Bernstein, 1994).

Phương pháp phân tích nhân tố khám phá: Dùng kiểm định KMO và Bartlett để kiểm định mức độ thích hợp của các biến đã đánh giá độ tin cậy trước khi chính thức tiến hành phân tích nhân tố khám phá. Theo Trọng và Ngọc (2008b), nếu kiểm định Bartlett có giá trị Sig. $> 0,05$ (không có ý nghĩa thống kê) thì không nên áp dụng phân tích nhân tố khám phá. Ngoài ra, Kaiser (1974; trích bởi Thọ, 2012) cho rằng KMO $\geq 0,9$: rất tốt, KMO $\geq 0,8$: tốt, KMO $\geq 0,7$: được, KMO $\geq 0,6$: tạm được, KMO $\geq 0,5$: xấu; KMO $< 0,5$: không thể chấp nhận được. Bên cạnh đó, tổng phương sai giải thích ở bằng Total Variance Explained $> 50\%$ (Huy & Anh, 2012).

Phương pháp phân tích hồi quy tuyến tính bội: Để mô hình hồi quy tuyến tính có ý nghĩa, chúng ta cần thỏa mãn các điều kiện: $0 \leq$ hệ số R^2 hiệu chỉnh ≤ 1 (Trọng & Ngọc, 2008a), hệ số Sig. của kiểm định F và kiểm định $t \leq 0,05$ và hệ số khuếch đại phương sai VIF < 10 (Hồ, 2012), mô hình hồi quy

thích hợp. Phương trình hồi quy tuyến tính đa biến có dạng: $Y = \alpha + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \dots + \beta_n X_n + u_i$. Trong đó, Y là biến phụ thuộc, α là hệ số tự do, β là hệ số biến, X là biến độc lập và u_i là sai số.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đánh giá độ tin cậy của thang đo

Đánh giá độ tin cậy thang đo được dùng để đánh giá độ tin cậy của các thang đo và biến quan sát trong nghiên cứu có phù hợp hay không trước khi đưa vào phân tích nhân tố khám phá. Sau khi đánh giá 09 tiêu chí độc lập và 01 tiêu chí phụ thuộc, tất cả đều có hệ

số Cronbach's Alpha > 0,8 (chấp nhận và sử dụng được).

Trong 36 biến quan sát, có 35 biến quan sát thuộc nhân tố độc lập và 03 biến quan sát nhân tố phụ thuộc có hệ số tương quan biến-tổng hiệu chỉnh > 0,3 (chấp nhận và được đưa vào phân tích tiếp theo), tuy nhiên có 01 biến quan sát bị loại do có hệ số < 0,3 (biến CSV4). Kết quả Bảng 2 chỉ ra rằng, 35 biến quan sát thuộc nhân tố độc lập và 03 biến quan sát nhân tố phụ thuộc là đáng tin cậy và đủ điều kiện để phân tích các bước tiếp theo trong nhân tố khám phá và hồi quy tuyến tính bội.

Bảng 2. Hệ số Cronbach's Alpha của thang đo

Nhân tố/Tiêu chí	Biến quan sát bị loại	Cronbach' α	Hệ số tương quan biến-tổng hiệu chỉnh
Tài nguyên DLNN		0,947	0,824 → 0,904
Cơ sở hạ tầng		0,922	0,493 → 0,930
Cơ sở vật chất kỹ thuật	CSV4	0,883	0,633 → 0,873
Nguồn lao động		0,930	0,825 → 0,888
An toàn và an ninh		0,869	0,496 → 0,876
Giá cả		0,877	0,716 → 0,788
Vệ sinh môi trường		0,881	0,646 → 0,871
Sự tham gia của người dân		0,945	0,833 → 0,928
Sự hài lòng của du khách		0,921	0,769 → 0,889
Sự phát triển DLNN		0,880	0,752 → 0,830

Nguồn: Kết quả thu thập và phân tích dữ liệu từ 157 du khách, năm 2023

3.2. Phân tích nhân tố khám phá

Dùng kiểm định KMO (Kaiser - Meyer - Olkin Measure of sampling adequacy) và Bartlett (Bartlett's Test of Sphericity) để kiểm định mức độ thích hợp của các biến đã đánh giá độ tin cậy trước khi chính thức tiến hành phân tích nhân tố khám phá. Kết quả phân tích cho thấy độ tin cậy của hệ số tải nhân tố > 0,5; chỉ số KMO = 0,750 (chỉ số KMO chấp nhận được) và giá trị Sig. = 0,000 (< 0,05). Với phương pháp trích nhân tố, phương pháp xoay nhân tố cho phép trích được 09 nhân tố từ 35 biến quan sát và phương sai tích lũy được 82,228% (>50%, đạt yêu cầu), tức 09 nhân tố này giải thích được 82,228% biến thiên của dữ liệu.

Theo Hair et al. (1998), để đảm bảo mức ý nghĩa thiết thực của phân tích nhân tố khám phá, cần loại

bỏ những biến quan sát có hệ số tải nhân tố (factor loadings) không đạt tiêu chuẩn ở từng nhân tố; theo đó, nếu các biến có hệ số tải nhân tố > 0,3 được xem là mức tối thiểu; hệ số tải > 0,4 được xem là quan trọng và hệ số tải nhân tố > 0,5 được xem là có ý nghĩa thực tiễn. Do đó, tác giả sẽ loại bỏ các biến có hệ số tải nhân tố nhỏ hơn 0,5. Qua phân tích, các biến trong nhân tố không có biến nào bị loại bỏ do hệ số tải nhân tố < 0,5 và các biến trong nhân tố không có sự xáo trộn, vẫn giữ 09 nhân tố ban đầu. Từ đó, 09 nhân tố này được đưa vào phân tích hồi quy tuyến tính đa biến để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển DLNN tại huyện Phong Điền, TPCT.

Bảng 3. Ma trận điểm số nhân tố

Biến quan sát	Nhân tố								
	TNDL	CSHT	ATAN	GC	STG	NLĐ	SHL	VSMT	CSV4
TNDL4	0,922								
TNDL5	0,912								
TNDL3	0,888								
TNDL6	0,859								
TNDL1	0,847								
TNDL2	0,744								

Biến quan sát	Nhân tố								
	TNDL	CSHT	ATAN	GC	STG	NLĐ	SHL	VSMT	CSVC
CSHT5		0,963							
CSHT1		0,947							
CSHT4		0,924							
CSHT3		0,872							
CSHT2		0,523							
ATAN4			0,913						
ATAN5			0,843						
ATAN3			0,797						
ATAN2			0,734						
ATAN1			0,527						
GC4				0,855					
GC3				0,821					
GC2				0,798					
GC1				0,737					
STG3					0,860				
STG1					0,847				
STG2					0,808				
NLĐ1						0,954			
NLĐ3						0,930			
NLĐ2						0,923			
SHL2							0,950		
SHL1							0,934		
SHL3							0,876		
VSMT2								0,933	
VSMT1								0,887	
VSMT3								0,824	
CSVC1									0,888
CSVC3									0,880
CSVC2									0,784

Nguồn: Kết quả thu thập và phân tích dữ liệu từ 157 du khách, năm 2023

3.3. Phân tích hồi quy tuyến tính bội

Để xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến sự phát triển DLNN tại huyện Phong Điền (TPCT), phương pháp phân tích hồi quy tuyến tính bội được sử dụng. Kết quả kiểm tra dữ liệu cho thấy $R^2 = 0,611$; $Sig. = 0,000$; như vậy dữ liệu thích hợp cho phân tích hồi quy tuyến tính đa biến. Kết quả phân tích $R^2 = 0,611$, có nghĩa 61,1% sự biến thiên sự phát triển DLNN ở huyện Phong Điền được giải thích bởi các nhân tố trong mô hình. Giá trị Durbin - Watson là 1,816 thể hiện mô hình không vi phạm hiện tượng tự tương quan. Ngoài ra, hệ số VIF của các biến trong mô hình nhỏ hơn 10 nên mô hình không có hiện tượng đa cộng tuyến. Từ kết quả phân tích cho thấy, sự phát triển DLNN ở huyện Phong Điền, TPCT phụ thuộc vào các nhân tố theo thứ tự giảm dần: An toàn và an ninh, giá cả, tài nguyên DLNN, cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn lao động, và cơ sở hạ tầng. Phương trình hồi quy có dạng: $PT =$

$$1,171 + 0,516ATAN + 0,469GC + 0,298TNDL + 0,149CSVC + 0,141NLĐ + 0,114CSHT + u_i$$

Nhân tố tài nguyên DLNN có mối quan hệ cùng chiều và tác động tích cực đến sự phát triển DLNN ở huyện Phong Điền, TPCT. Tài nguyên DLNN là nền móng quan trọng để phát triển DLNN, cũng như đây là nhân tố tạo nên sức hấp dẫn đối với du khách. Mỗi địa phương sẽ có tài nguyên DLNN khác nhau. Tại Phong Điền chủ yếu hấp dẫn du khách bởi cây tròng, vật nuôi độc đáo, nghề truyền thống hấp dẫn (nghề nấu rượu, nghề làm bánh hời, nghề bánh tráng, nghề ươm cây giống, nghề rèn,...), món ăn địa phương độc đáo, hấp dẫn (bánh hời mặt võng, rượu mạn, các sản phẩm từ ca cao nhà làm, gà um dầu Hạ Châu, gà nấu ấu,...), các đặc sản liên quan đến nông nghiệp, cũng như vùng nông thôn có phong cảnh đẹp, thanh bình và một số địa điểm DLNN có hoạt động giải trí, trải nghiệm thú vị (tự tay làm bánh hời mặt võng, dỡ chà bắt cá, hái trái cây,..). Do đó, cần chú ý khai thác các thế mạnh của tài nguyên này

trong phát triển DLNN thời gian tới. Kết quả nghiên cứu này phù hợp với kết quả nghiên cứu về tài nguyên du lịch nông thôn ở Bạc Liêu của Đua và ctv. (2022), và sức hấp dẫn DLNN (tài nguyên DLNN) ở TPCT của Nhân (2023).

Nhân tố cơ sở hạ tầng có có mối quan hệ cùng chiều và ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển DLNN ở huyện Phong Điền, TPCT. Cơ sở hạ tầng bao gồm các yếu tố về khả năng tiếp cận, đường sá giao thông, cầu cảng, bến tàu, sân bay, hệ thống điện, nước tại điểm du lịch. Cơ sở hạ tầng là nhân tố cần thiết để phát triển du lịch, nếu không có cơ sở hạ tầng tốt thì ảnh hưởng rất lớn đến khả năng tiếp cận và di chuyển của du khách. Các điểm DLNN Phong Điền hầu hết đều có khả năng tiếp cận thuận lợi bởi du khách có đến bằng cả đường bộ và đường thủy với nhiều phương tiện khác nhau (ô tô, mô tô, tàu thủy, các phương tiện công cộng,...), đường sá tương đối rộng và bằng phẳng, có bảng chỉ dẫn vào các điểm DLNN cụ thể đi hướng nào và bao nhiêu

km, đồng thời tại các điểm DLNN đều có hệ thống điện và nước sạch đầy đủ để đáp ứng nhu cầu du khách. Kết quả nghiên cứu này giống với kết quả nghiên cứu của Embacher (1994), Lago (2017), Malkanthi et al. (2015), Nhân và ctv. (2015), Nhân (2015), Thông (2021).

Nhân tố an toàn và an ninh có tác động tích cực và mạnh nhất với sự phát triển DLNN huyện Phong Điền, TPCT. An toàn và an ninh luôn là nhân tố được du khách quan tâm khi du lịch tại một điểm đến ngoài nơi cư trú. Sự an toàn và an ninh này có thể bao gồm các sự việc liên quan đến vấn đề an ninh trật tự (cướp giật, trộm cắp, chèo kéo, thách giá, móc túi,...) và các vấn đề an toàn sức khỏe, tính mạng của du khách khi trải nghiệm du lịch tại điểm đến. Do đó, điểm đến DLNN Phong Điền cần đặc biệt quan tâm đến vấn đề này trong thời gian tới. Kết quả này ủng hộ kết quả nghiên cứu của Gopal et al. (2008), Nhân và ctv. (2015), Nhân (2015), Thông (2021), Cương (2023).

Bảng 4. Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính bội

Tên biến	Hệ số ước lượng	Sig.	VIF	Kết luận giả thuyết
Hãng số	-1,171	1,000		
Tài nguyên DLNN (TNDL)***	0,298	0,000	1,000	H1: Chấp nhận
Cơ sở hạ tầng (CSHT)**	0,114	0,024	1,000	H2: Chấp nhận
An toàn và an ninh (ATAN)***	0,516	0,000	1,000	H5: Chấp nhận
Giá cả (GC)***	0,469	0,000	1,000	H6: Chấp nhận
Sự tham gia của người dân (STG)	0,006	0,900	1,000	H8: Bác bỏ
Nguồn lao động (NLĐ)***	0,141	0,005	1,000	H4: Chấp nhận
Sự hài lòng của du khách (SHL)	-0,062	0,214	1,000	H9: Bác bỏ
Vệ sinh môi trường (VSMT)	-0,003	0,953	1,000	H7: Bác bỏ
Cơ sở vật chất kỹ thuật (CSVC)***	0,149	0,003	1,000	H3: Chấp nhận

Ghi chú: ***có ý nghĩa thống kê ở mức 1%; ** có ý nghĩa thống kê ở mức 5%

Nguồn: Kết quả thu thập và phân tích dữ liệu từ 157 du khách, năm 2023

Nhân tố giá cả có mối quan hệ tích cực và cùng chiều với sự phát triển DLNN ở huyện Phong Điền, TPCT. Giá cả luôn là tiêu chí mà du khách quan tâm khi trải nghiệm tại một điểm đến du lịch nói chung và DLNN nói riêng. Giá cả của một điểm đến DLNN thường được du khách quan tâm đến là giá vé tham quan hợp lý hoặc không có thu vé, cũng như sự hợp lý về giá cả của các dịch vụ và sản phẩm tại điểm đến bao gồm cả lưu trú, ăn uống, giải trí, hàng lưu niệm, nông sản,... và đặc biệt du khách sẽ so sánh chất lượng dịch vụ đã mua có tương xứng với cho phí mình chi trả hay không. Chính vì vậy, để phát triển DLNN được thành công, hiệu quả và bền vững các bên liên quan cần chú ý đến nhân tố này. Kết quả này giống với kết quả của các nghiên cứu của Lo et al. (2011), Nhân và ctv. (2015), Nhân (2015, 2023).

Nhân tố nguồn lao động có tác động tích cực và cùng chiều với sự phát triển DLNN ở huyện Phong Điền, TPCT. Nguồn lao động phục vụ DLNN chủ yếu là người dân địa phương, một số điểm DLNN là các vườn trái cây, hộ sản xuất nghề truyền thống thì nguồn lao động là những thành viên trong gia đình. Tuy nhiên, để điểm đến DLNN phát triển tốt, đòi hỏi nguồn lao động phải có chất lượng về kiến thức, kỹ năng và nhất là thái độ như có sự thân thiện, lịch sự, cởi mở, kỹ năng thành thạo, nhanh nhẹn, giải đáp và hướng dẫn khách chu đáo, tận tình,... Vì vậy, các hộ hoạt động DLNN cần chú trọng đến các tiêu chí này khi phục vụ khách. Kết quả nghiên cứu này phù hợp với nghiên cứu của Nhân (2015), Thông (2021), Cương (2023), Nhân (2023).

Nhân tố cơ sở vật chất kỹ thuật có tác động tích cực và quan hệ cùng chiều với sự phát triển DLNN ở huyện Phong Điền. Cơ sở vật chất kỹ thuật bao gồm những cơ sở ăn uống, lưu trú, vui chơi giải trí, lưu niệm,... Các thuộc tính có ảnh hưởng đến sự phát triển DLNN ở huyện Phong Điền theo đánh giá của du khách là các cửa hàng lưu niệm với các mặt hàng lưu niệm, nông sản liên quan đến nông nghiệp địa phương, cơ sở ăn uống gắn liền với đặc sản nông nghiệp, cơ sở lưu trú mang phong cách nông thôn và cảnh quan đẹp. Chính vì vậy, cơ quan quản lý nhà nước về du lịch, hộ kinh doanh du lịch cần quan tâm đến các thuộc tính này để hấp dẫn và thu hút du khách hơn. Kết quả này giống với kết quả của Lago (2017), Thông (2021).

4. KẾT LUẬN

DLNN có nhiều tác động tích cực đối với các địa phương ở vùng nông thôn, nhất là ở các nước đang phát triển. Huyện Phong Điền, TPCT có nhiều tiềm năng và điều kiện phát triển DLNN. Kết quả phân tích từ 157 du khách đã tham gia vào hoạt động DLNN ở huyện Phong Điền, TPCT cho thấy có sáu nhân tố ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển DLNN ở huyện theo thứ tự giảm dần là an toàn và an ninh, giá cả, tài nguyên DLNN, cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn lao động, và cơ sở hạ tầng. Kết quả của

nghiên cứu này có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn đối với huyện Phong Điền, TPCT. Thứ nhất, kết quả nghiên cứu đã góp phần bổ sung thêm cơ sở lý thuyết về DLNN và các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển DLNN; thứ hai, kết quả nghiên cứu là nguồn tài liệu tham khảo cho các công trình nghiên cứu có liên quan đến DLNN; thứ ba, kết quả nghiên cứu này sẽ là cơ sở để các bên liên quan trong phát triển DLNN dựa trên các nhân tố này đề xuất các định hướng quy hoạch và giải pháp phát triển DLNN trong tương lai. Mặc dù vậy, nghiên cứu này cũng còn một số hạn chế như nghiên cứu chỉ thực hiện khảo sát đối tượng là du khách nội địa, chính vì vậy trong các nghiên cứu tiếp theo cần khảo sát thêm ý kiến của đối tượng khách du lịch quốc tế; nghiên cứu còn 38,9% là các nhân tố ngoài mô hình và sai số, do đó nghiên cứu trong tương lai có thể bổ sung và nghiên cứu các nhân tố khác ngoài các nhân tố trên như hoạt động quảng bá, chính sách quản lý,...; các nghiên cứu tiếp theo trong tương lai có thể bổ sung thêm các biến điều tiết và biến trung gian trong mô hình nghiên cứu để khám phá sự hài lòng, lòng trung thành và quyết định lựa chọn điểm đến có ảnh hưởng đến sự phát triển DLNN ở huyện Phong Điền hay không.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Anh, N. T. K., & Phương, P. P. P. (2022). Du lịch nông nghiệp tại huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hoà. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, 39-42.
- Anh, N. T. Q., Thao, T. Đ., & Nhuận, N. H. (2023). Tổng quan kinh nghiệm quốc tế và những cơ hội, thách thức đối với phát triển du lịch nông nghiệp ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*, 21(6), 794-803.
- Arroyo, C. G. (2012). *What is Agritourism? Reconciling farmers, residents and extension faculty perspectives*. University of Missouri-Columbia.
- Biển, H. (2019). *Cần Thơ: Khai thác mỏ vàng du lịch nông nghiệp*. <https://vietnamtourism.gov.vn/post/29673>
- Boys, K. A., DuBreuil White, K., & Groover, G. (2017). Fostering rural and agricultural tourism: exploring the potential of geocaching. *Journal of Sustainable Tourism*, 25(10), 1474-1493. <https://doi.org/10.1080/09669582.2017.1291646>
- Cánh, Đ. N. (2020). Phát triển du lịch nông nghiệp ở thành phố Cần Thơ. *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Phát triển du lịch nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh mới* (trang 20-33). Nhà xuất bản Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- Chebli, A., & Said, F. B. (2020). The Impact of COVID-19 on Tourist Consumption Behaviour: A Perspective Article. *Journal of Tourism Management Research*, 7, 196-207. <https://doi.org/10.18488/journal.31.2020.72.196.207>
- Contini, C., Scarpellini, P., & Polidori, R. (2009). Agri-tourism and rural development: the Low-Valdelsa case, Italy. *Tourism Review*, 64(4), 27-36. <https://doi.org/10.1108/16605370911004557>
- Council of the European Union. (2006). Community strategic guidelines for rural development programming period 2007 to 2013. *Official Journal of the European Union*, Vol. 144.
- Cương, Đ. M. (2020). *Phát triển du lịch nông nghiệp gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo hướng bền vững (phần 2)*. <https://vietnamtourism.gov.vn/post/33581>
- Cương, Đ. M. (2023). Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Xây dựng tiêu chí đánh giá phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững trên địa bàn thành phố Hà Nội* (trang 13-37).

- Dung, P. T. M. (2023). Nội dung, bản chất và vai trò của du lịch nông nghiệp nông thôn. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Xây dựng tiêu chí đánh giá phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững trên địa bàn thành phố Hà Nội* (trang 4-12).
- Đua, P. V., Nhân, N. T., Trần, P. T. K., & Linh, P. T. T. (2022). Đánh giá sự hài lòng của khách du lịch đối với du lịch nông thôn tỉnh Bạc Liêu. *Tạp chí Khoa học Đại học Văn Hiến*, 8(4), 54-69. <https://doi.org/10.58810/vhujs.8.4.2022.352>
- Embacher, H. (1994). Marketing for Agri-tourism in Austria: Strategy and realisation in a highly developed tourist destination. *Journal of Sustainable Tourism*, 2(1-2), 61-76. <https://doi.org/10.1080/09669589409510684>
- Gopal, R., Varma, S., & Gopinathan, R. (2008). Rural Tourism Development: Constraints and Possibilities with a special reference to Agri Tourism: A Case Study on Agri Tourism Destination Malegoan Village, Taluka Baramati, District Pune, Maharashtra. *Conference on Tourism in India - Challenges Ahead* (pp. 512-523).
- Hair, J., Anderson, R., Tatham, R., & Black, W. (1998). *Multivariate data analysis, 5th edition*. Prentice Hall.
- Hà, T. T., & Hằng, P. T. B. (2020). Đo lường giá trị cảm nhận, sự kỳ vọng và mức độ hài lòng của du khách nội địa đối với loại hình du lịch nông nghiệp tại thành phố Đà Lạt. *Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương*, 7, 76-78.
- Hậu, P. X., & Anh, H. D. T. (2021). Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch homestay của điểm đến huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh*, 18(4), 773-783. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.18.4.3044\(2021\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.18.4.3044(2021))
- Higgins-Desbiolles, F. (2020). Socialising tourism for social and ecological justice after COVID-19. *Tourism Geographies*, 22, 610-623. <https://doi.org/10.1080/09669582.2020.1803334>
- Hoàng, N. P. (2022). Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch sinh thái bền vững: Trường hợp nghiên cứu tại tỉnh Cà Mau. *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh - Kinh tế và Quản trị Kinh doanh*, 17(4), 16-33. <http://dx.doi.org/10.46223/HCMCOUJS.econ.vi.17.4.1812.2022>
- Hồ, Đ. P. (2012). *Phương pháp nghiên cứu định lượng: những nghiên cứu thực tiễn trong kinh tế phát triển - nông nghiệp*. Nhà xuất bản Phương Đông.
- Hồ, Đ. P. (2022). Du lịch nông nghiệp và ý định viếng thăm lại: Trường hợp nghiên cứu ở Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam. *Tạp chí Công thương*, 6, 51-65.
- Huy, L. V., & Anh, T. T. T. (2012). *Phương pháp nghiên cứu trong Kinh doanh*. Nhà xuất bản Tài chính.
- Kozak, M., & Rimmington, M. (2000). Tourist Satisfaction with Mallorca, Spain, as an Off-Season Holiday Destination. *Journal of Travel Research*, 38, 260-269. <https://doi.org/10.1177/004728750003800308>
- Lago, N. A. (2017). Tourism demand and agriculture supply: Basis for agritourism development in Quezon Province. *Asia Pacific Journal of Multidisciplinary Research*, 5(3), 1-9.
- Lam, A. (2023). *Du lịch nông nghiệp Phong Điền: gỡ khó để phát triển*. <https://baocantho.com.vn/du-lich-nong-nghiep-phong-ien-go-kho-de-phat-trien-a157233.html>
- Lan, N. T. P., Hạnh, N. T. V., & Tuyên, T. (2021). Phát triển du lịch nông nghiệp tại đồng bằng sông Cửu Long - Góc nhìn từ nông nghiệp và cộng đồng địa phương. *Tạp chí Khoa học Xã hội*, 9(277), 30-44.
- Lan, N. T. P., Hạnh, N. T. V., & Tuyên, T. (2022). Sự hài lòng của du khách đối với hoạt động du lịch nông nghiệp tại đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 8(3), 322-335. <https://doi.org/10.33100/tckhxhvnv8.3.NgoThiPhuongLan.vcs>
- Lee, B., Lee, C. K., & Lee, J. (2014). Dynamic nature of destination image and influence of tourist overall satisfaction on image modification. *Journal of Travel Research*, 53, 239-251. <https://doi.org/10.1177/0047287513496466>
- Lo, M. C., Mohamad, A. A., Songan, P., & Yeo, A. W. (2012). Rural Tourism Positioning Strategy: A Community Perspective. *International Conference on Economics Marketing and Management* (pp. 22-26).
- Lộc, V. T. T., & Thọ, H. H. (2015). *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học và viết đề cương nghiên cứu: Ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế - xã hội*. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ.
- Malkanathi, S. H. P., Ishana, A. S. F., Sivashankar, P., & Weeralal, J. L. K. (2015). Willingness to initiate spice-tourism in Kolonna district secretariat of Ratnapura District in Sri Lanka: Famers' perspective. *Sri Lanka Journal of Food and Agriculture*, 1(1), 35-45. <https://doi.org/10.4038/sljfa.v1i1.5>
- McGehee, N. G., & Kim, K. (2004). Motivation for agri-tourism entrepreneurship. *Journal of travel research*, 43(2), 161-170. <https://doi.org/10.1177/0047287504268245>
- Moraru, R. A., Ungureanu, G., Bodescu, D., & Donosă, D. (2016). Motivations and challenges for entrepreneurs in agritourism. *Agron Ser Sci Res/Lucrari Stiintifice Ser Agron*, 59(1), 267-73.

- Nilsson, P. Å. (2002). Staying on farms: An ideological background. *Annals of tourism research*, 29(1), 7-24.
[https://doi.org/10.1016/S0160-7383\(00\)00081-5](https://doi.org/10.1016/S0160-7383(00)00081-5)
- Nghi, N. Q. (2019). Các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hấp dẫn của loại hình du lịch nông thôn ở huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học - Đại học Đồng Nai*, 12, 29-38.
- Nguyen, Q. T., Ha, V. T., Nguyen, T. L., Duong, H. V., & Chan, T. M. A. (2020). Potential of Agri-Tourism in Vo Nhai District, Thai Nguyen Province. *TNU Journal of Science and Technology*, 225(03), 133-142.
<https://doi.org/10.34238/tnu-jst.2020.03.2496>
- Nguyen, T. N., Ly, M. T., Truong, T. T., & Phan, V. D. (2022). Development of rural tourism products in Tho Son Commune, Hon Dat district, Kien Giang province. *International Conference on Investment and Development for Agricultural Markets and Rural Tourism in the Mekong Delta* (pp. 222-234). In Ninh, L. K (Eds). Can Tho University Publishing house.
- Nhân, N. T. (2013). Đánh giá mức độ hài lòng của du khách nội địa đối với du lịch miệt vườn vùng đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh*, 52, 44-55.
- Nhân, N. T. (2015). Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch chợ nổi ở thành phố Cần Thơ và vùng phụ cận. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh*, 1(66), 50-59.
- Nhân, N. T. (2023). Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch nông nghiệp ở thành phố Cần Thơ. *Hội thảo Khoa học Quốc tế Phát triển bền vững ngành Du lịch vùng Nam Bộ trong bối cảnh mới* (trang 94-103). Nhà xuất bản Lao động.
- Nhân, N. T., Anh, T. T. H., & Mơ, N. T. D. (2015). Đánh giá của du khách đối với du lịch miệt vườn vùng đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 36, 84-91.
<https://ctujsvn.ctu.edu.vn/index.php/ctujsvn/article/view/1932>
- Nhân, N. T., & Thông, T. T. (2021). Các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng trong du lịch: Trường hợp thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*, 57(5), 223-230.
<https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2021.160>
- Nhân, T. Q., & Trinh, T. T. M. (2022). Cảm nhận của du khách về loại hình du lịch sinh thái miệt vườn ở huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. *Tạp chí Phát triển bền vững vùng*, 12(1), 133-142.
- Nunnally, J., & Bernstein, I. H. (1994). *Psychometric Theory*, 3rd edition. McGraw-Hill.
- Prayag, G., Hosany, S., Muskat, B., & Del Chiappa, G. (2017). Understanding the relationships between tourists' emotional experiences, perceived overall image, satisfaction, and intention to recommend. *Journal of Travel Research*, 56, 41-54.
<https://doi.org/10.1177/0047287515620567>
- Rilla, E. (1999). Unique Niches: Agritourism in Britain and New England. *Small Farm Center, University of California Cooperative Extension*.
http://sfp.ucdavis.edu/agritourism/unique_niches.
- Schilling, B. J., Attavanich, W., & Jin, Y. (2014). Does agritourism enhance farm profitability?. *Journal of Agricultural and Resource Economics*, 39(1), 69-87.
- Seong-Woo, L., & Sou-Yeon, N. (2005). Agro-tourism as a rural development strategy in Korea. *Journal of Rural Development*, 29(6), 67-83.
- Thảo, N. T. N., Duyên, T. T. D., Như, N. T. H., & Uyên, H. T. L. (2019). Đánh giá sự hài lòng của khách du lịch đối với ẩm thực đường phố Đà Lạt. *Tạp chí Nghiên cứu Khoa học và Phát triển Kinh tế Trường Đại học Tây Đô*, 6, 80-93.
- Thọ, N. Đ. (2011). *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*. Nhà xuất bản Lao động - Xã hội.
- Thông, T. T. (2019). Các nhân tố thu hút du khách đến du lịch biển đảo ở huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*, 55(4), 113-122.
<https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2019.101>
- Thông, T. T. (2021). Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển làng nghề phục vụ du lịch ở thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh*, 18(7), 1265-1276.
[http://dx.doi.org/10.54607/hcmue.js.18.7.3096\(2021\)](http://dx.doi.org/10.54607/hcmue.js.18.7.3096(2021))
- Toàn, Đ. T., Trinh, B. V., & Nghi, N. Q. (2016). Các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia vào hoạt động du lịch vườn sinh thái của hộ gia đình tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*, (46), 12-19.
<https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2016.565>
- Torres, R., & Momsen, J. H. (2004). Challenges and potential for linking tourism and agriculture to achieve pro-poor tourism objectives. *Progress in Development Studies*, 4(4), 294-318.
<https://doi.org/10.1191/1464993404ps092oa>
- Torres, R., & Momsen, J. (2011). *Tourism and agriculture: new geographies of consumption, production and rural restructuring*. Routledge.
- Tổng cục Du lịch. (2021). *Tài liệu hướng dẫn vận hành. Chương trình Phát triển năng lực du lịch có trách nhiệm với môi trường và xã hội*.
<https://vietnamtourism.gov.vn/esrt/FileDownload/57.pdf>

- Trí, P. Q., & Thu, T. T. (2022). Các nhân tố tác động đến quyết định lựa chọn điểm đến du lịch nông thôn dựa vào cộng đồng vùng Bắc Trung Bộ. *Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung*, 01(75), 27-39.
- Tribe, J., & Snaith, T. (1998). From SERVQUAL to HOLSAT: holiday satisfaction in Varadero, Cuba. *Tourism management*, 19(1), 25-34.
- Trọng, H., & Ngọc, C. N. M. (2008a). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS (tập 1)*. Nhà xuất bản Hồng Đức.
- Trọng, H., & Ngọc, C. N. M. (2008b). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS (tập 2)*. Nhà xuất bản Hồng Đức.
- Wachyuni, S. S., & Kusumaningrum, D. A. (2020). The effect of COVID-19 pandemic: How are the future tourist behavior?. *Journal of Education, Society and Behavioural Science*, 33(4), 67-76. <https://doi.org/10.9734/jesbs/2020/v33i430219>
- Weaver, D. B. (2004). Tourism and the elusive paradigm of sustainable development. In Lew, A. A., Hall, C. M. & Williams, A. M. (Eds), *A companion to tourism* (pp. 510-524). Blackwell Publishing. <https://doi.org/10.1002/9780470752272.ch41>
- Williams, B., Onsmann, A., & Brown, T. (2010). Exploratory factor analysis: A five-step guide for novices. *Australasian journal of paramedicine*, 8, 1-13. <https://doi.org/10.33151/ajp.8.3.93>
- UNWTO. (2011). *Handbook on tourism product development*. European Travel Commission.